

Bản án số: 11/2019/KDTM-ST
Ngày 30/11/2019
V/v “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Ly;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Song Trà;
2. Bà Nguyễn Thị Anh Thư.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đinh Văn Dương, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

Ngày 30 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 17/2019/TLST-KDTM ngày 30/7/2019 về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 246/2019/QĐXXST-KDTM, ngày 30/10/2019; Quyết định hoãn phiên tòa số 206/2019/QĐST-KDTM ngày 14/11/2019 giữa các đương sự:

**** Nguyên đơn:*** Ngân hàng NN và PT NT Việt Nam (Ngân hàng)

Địa chỉ: Đường LH, phường T C, quận B Đ, thành phố Hà Nội.

**** Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:*** Ông Trịnh Ngọc K, chức vụ: Chủ tịch Hội đồng thành viên, địa chỉ: Tập thể Sư đoàn- Tổ A, phường YH, quận CG, thành phố Hà Nội là người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn; ông Đinh Văn C, chức vụ: Giám đốc Ngân hàng chi nhánh tỉnh Quảng Ngãi, địa chỉ: Số 194 đường THĐ, tổ 22, phường NL, thành phố Q Ng, tỉnh Quảng Ngãi là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (Giấy ủy quyền số 510/QĐ-HĐTV-PC ngày 19/6/2014), ông C có mặt.

**** Bị đơn:*** Công ty Trách nhiệm hữu hạn MH (Công ty MH).

Địa chỉ: Đường ADV, phường TP, thành phố QNg, tỉnh Quảng Ngãi.

* *Người đại diện hợp pháp của bị đơn:* Ông Phạm Minh H, chức vụ: Giám đốc, địa chỉ: Đường NTK, phường TP, thành phố QNg, tỉnh Quảng Ngãi là người đại diện theo pháp luật của bị đơn; ông H vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Tại đơn khởi kiện ngày 11/6/2019, đơn khởi kiện bổ sung ngày 17/7/2019, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của Ngân hàng trình bày:*

Ngày 08/8/2012 và ngày 30/9/2013 Ngân hàng đã ký Hợp đồng tín dụng số 4500LAV201200320 và phụ lục Hợp đồng tín dụng bổ sung số 02/PLHĐ/2013 với Công ty MH để cho Công ty MH vay số tiền 22.000.000.000 đồng; thời hạn vay 60 tháng; mục đích vay: Thanh toán một phần chi phí đầu tư dự án Nhà máy chế biến gỗ dăm xuất khẩu; lãi suất vay: 14,5%/năm, lãi suất biến đổi và được điều chỉnh theo quy định của Ngân hàng; Phương thức trả nợ: gốc và lãi trả theo phụ lục kế hoạch trả nợ của Hợp đồng tín dụng.

Ngày 17/6/2015 và ngày 17/6/2016 Ngân hàng đã ký Hợp đồng cấp tín dụng hạn mức (áp dụng đối với khách hàng là doanh nghiệp) số 01/2015/HĐTD-MH và Phụ lục Hợp đồng tín dụng số 01/2016/PLHĐ với Công ty MH để cho Công ty MH vay số tiền 60.000.000.000 đồng; thời hạn vay: Tối đa không quá 12 tháng; mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động để thực hiện phương án sản xuất kinh doanh năm 2015; lãi suất vay: 07%/năm, lãi suất được điều chỉnh trên toàn bộ dư nợ theo quy định của Ngân hàng; Phương thức trả nợ: gốc và lãi trả theo đúng thời hạn ghi tại Giấy nhận nợ.

Ngày 06/9/2016 Ngân hàng đã ký Hợp đồng tín dụng (nhận nợ bắt buộc theo thỏa thuận cấp bảo lãnh số 04/2016/TTCBL ngày 30/3/2016) số 4500-LAV-201600387 với Công ty MH để cho Công ty MH vay số tiền 5.000.000.000 đồng; thời hạn vay: 12 tháng; mục đích vay: Bắt buộc thực hiện nghĩa vụ hoàn trả tiền tạm ứng cho Công ty TNHH Việt Nhật; lãi suất vay: 10,5%/năm, lãi suất biến đổi trên toàn bộ dư nợ theo quy định của Ngân hàng; Phương thức trả nợ: gốc và lãi cuối kỳ. Ông Phạm Minh H đã đại diện Công ty MH ký tên, đóng dấu vào các hợp đồng tín dụng, phụ lục hợp đồng tín dụng và giấy nhận nợ Ngân hàng. Để đảm bảo các khoản vay trên, Công ty MH đã ký các hợp đồng thế chấp tài sản cho Ngân hàng, tuy nhiên Ngân hàng không yêu cầu Tòa án giải quyết các hợp đồng thế chấp đã ký với Công ty MH.

Quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty MH vi phạm nghĩa vụ trả nợ của hai hợp đồng đã ký với Ngân hàng. Tính đến ngày 30/11/2019, Công ty MH đã trả được 29.948.521.736 đồng tiền nợ gốc, còn nợ Ngân hàng cụ thể như sau: Đối với hợp đồng 4500LAV201200320 ngày 08/8/2012 nợ gốc là 7.542.315.366 đồng, nợ lãi trong hạn là 5.812.751.772 đồng; đối với hợp đồng số 01/2015/HĐTD-MH ngày 17/6/2015 nợ gốc là 40.215.457.713 đồng, nợ lãi trong hạn là 13.796.922.647 đồng; đối với hợp đồng số 4500-LAV-201600387 ngày 06/9/2016 nợ gốc là 3.700.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 880.847.528 đồng, tổng cộng là 71.948.295.026 đồng trong đó nợ gốc là 51.457.773.079 đồng, nợ lãi là 20.490.521.947 đồng.

Nay Ngân hàng yêu cầu Công ty MH phải thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền 71.948.295.026 đồng (tạm tính đến 30/11/2019), Công ty MH phải tiếp tục trả lãi phát sinh trên dư nợ gốc theo mức lãi suất thỏa thuận tại các hợp đồng tín dụng đã ký kể từ ngày 01/12/2019 cho đến khi tất toán các hợp đồng tín dụng đã ký. Ngân hàng không yêu cầu Tòa án xử lý tài sản theo các hợp đồng thế chấp đã ký với Công ty MH để thu hồi nợ cho Ngân hàng.

** Bị đơn Công ty MH đã được triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa.*

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Tòa án đã triệu tập họp lệ đến lần thứ hai nhưng người đại diện hợp pháp của bị đơn là ông Phạm Minh H vắng mặt không có lý do tại phiên tòa. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án vắng mặt ông Phạm Minh H.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét yêu cầu của Ngân hàng về việc yêu cầu Công ty MH phải thanh toán số tiền còn nợ, Hội đồng xét xử thấy rằng: Theo các tài liệu, chứng cứ do Ngân hàng cung cấp có trong hồ sơ vụ án thì ngày 08/8/2012 và ngày 30/9/2013 Ngân hàng đã ký Hợp đồng tín dụng số 4500LAV201200320 và phụ lục Hợp đồng tín dụng bổ sung số 02/PLHĐ/2013; ngày 17/6/2015 và ngày 17/6/2016 Ngân hàng đã ký Hợp đồng cấp tín dụng hạn mức (áp dụng đối với khách hàng là doanh nghiệp) số 01/2015/HĐTD-MH và Phụ lục Hợp đồng tín dụng số 01/2016/PLHĐ; ngày 06/9/2016 Ngân hàng đã ký Hợp đồng tín dụng (nhận nợ bắt buộc theo thỏa thuận cấp bảo lãnh số 04/2016/TTCBL ngày 30/3/2016) số 4500-LAV-201600387 với Công ty MH để cho Công ty MH vay tiền. Người đại

diện theo pháp luật của Công ty MH đã ký vào các giấy nhận nợ Ngân hàng. Tính đến ngày 30/11/2019 Công ty MH đã trả được 29.948.521.736 đồng tiền nợ gốc, còn nợ Ngân hàng cụ thể như sau: Đối với hợp đồng 4500LAV201200320 ngày 08/8/2012 nợ gốc là 7.542.315.366 đồng, nợ lãi trong hạn là 5.812.751.772 đồng; đối với hợp đồng số 01/2015/HĐTD-MH ngày 17/6/2015 nợ gốc là 40.215.457.713 đồng, nợ lãi trong hạn là 13.796.922.647 đồng; đối với hợp đồng số 4500-LAV-201600387 ngày 06/9/2016 nợ gốc là 3.700.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 880.847.528 đồng, tổng cộng là 71.948.295.026 đồng trong đó nợ gốc là 51.457.773.079 đồng, nợ lãi là 20.490.521.947 đồng.

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ cho Công ty MH: Thông báo về việc thụ lý vụ án; Giấy triệu tập, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và các văn bản tố tụng khác nhưng trong thời hạn luật định, Công ty MH không có ý kiến phản đối những tình tiết, yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng, không đến Tòa án làm việc, hòa giải, không đến phiên tòa để trình bày, không cung cấp tài liệu, chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Theo quy định tại khoản 4 Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử giải quyết vụ án theo những chứng cứ có trong hồ sơ. Ngân hàng yêu cầu Công ty MH phải thanh toán cho Ngân hàng số tiền nợ bao gồm nợ gốc và nợ lãi tính đến ngày 30/11/2019 và tiền lãi phát sinh trên dư nợ gốc theo mức lãi suất thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng đã ký kể từ ngày 01/12/2019 cho đến khi tất toán hợp đồng là có căn cứ, được chấp nhận.

[2.2] Ngân hàng không yêu cầu xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ nên Hội đồng xét xử không xét.

[3] Về án phí: Công ty MH phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả tiền tạm ứng án phí đã nộp cho Ngân hàng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 471, 474, 476 của Bộ luật Dân sự năm 2005; khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, 91, 144, 147, 227, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 91, 95 của Luật Các tổ chức tín dụng; Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng NN và PT NT Việt Nam. Buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn MH phải thanh toán cho Ngân hàng NN và

PT NT Việt Nam tổng số tiền tổng cộng là 71.948.295.026 đồng (Bảy mươi một tỷ, chín trăm bốn mươi tám triệu, hai trăm chín mươi lăm ngàn, không trăm hai mươi sáu đồng) trong đó nợ gốc là 51.457.773.079 đồng (Năm mươi một tỷ, bốn trăm năm mươi bảy triệu, bảy trăm bảy mươi ba ngàn, không trăm bảy mươi chín đồng), nợ lãi là 20.490.521.947 đồng (Hai mươi tỷ, bốn trăm chín mươi triệu, năm trăm hai mươi một ngàn, chín trăm bốn mươi bảy đồng), cụ thể như sau: Đối với hợp đồng 4500LAV201200320 ngày 08/8/2012 nợ gốc là 7.542.315.366 đồng (Bảy tỷ, năm trăm bốn mươi hai triệu, ba trăm mười lăm ngàn, ba trăm sáu mươi sáu đồng), nợ lãi trong hạn là 5.812.751.772 đồng (Năm tỷ, tám trăm mười hai triệu, bảy trăm năm mươi một ngàn, bảy trăm bảy mươi hai đồng); đối với hợp đồng số 01/2015/HĐTD-MH ngày 17/6/2015 nợ gốc là 40.215.457.713 đồng (Bốn mươi tỷ, hai trăm mười lăm triệu, bốn trăm năm mươi bảy ngàn, bảy trăm mười ba đồng), nợ lãi trong hạn là 13.796.922.647 đồng (Mười ba tỷ, bảy trăm chín mươi sáu triệu, chín trăm hai mươi hai ngàn, sáu trăm bốn mươi bảy đồng); đối với hợp đồng số 4500-LAV-201600387 ngày 06/9/2016 nợ gốc là 3.700.000.000 (Ba tỷ bảy trăm triệu đồng), nợ lãi trong hạn là 880.847.528 đồng (Tám trăm tám mươi triệu, tám trăm bốn mươi bảy ngàn, năm trăm hai mươi tám đồng) (tiền lãi tạm tính đến 30/11/2019).

2. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm Công ty trách nhiệm hữu hạn MH còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Công ty MH phải chịu 179.948.295 đồng (Một trăm bảy mươi chín triệu, chín trăm bốn mươi tám ngàn, hai trăm chín mươi lăm đồng).

4. Hoàn trả cho Ngân hàng NN và PT NT Việt Nam số tiền 88.880.230 đồng (Tám mươi tám triệu, tám trăm tám mươi ngàn, hai trăm ba mươi đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001451 ngày 30/7/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

5. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự, người đại diện hợp pháp của đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 482 của Bộ luật tố tụng dân sự, điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án

dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

*** Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND TP Quảng Ngãi;
- CCTHADS TP Quảng Ngãi;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thúy Ly